Họ và tên:		Lớp:	

Ôn hè Toán lớp 1 lên lớp 2 - Đề số 1

Bài 1: a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60; .....; .....; 63; 64; 65; 66; 67; .....; 69

70; 71; .....; 73; 74; 75; 76; .....; 78; .....

80; 81; 82; .....; 84; 85; .....; .....; 88; 89

90; 91; 92; 93; .....; 95; 96; 97; 98; .....; .....

b) Viết các số:

Ba mươi hai: ..... Bốn mươi tám: .....

Năm mươi sáu: ..... Bảy mươi tư: .....

Bảy mươi chín: ..... Tám mươi: .....

Tám mươi tám: ..... Chín mươi: .....

Chín mươi chín: ..... Một trăm: .....

c) Viết các số 63; 72; 29; 43:

- Theo thứ tự từ bé đến lớn: ; ; ;
- Theo thứ tự từ lớn đến bé: ; ; ;

Bài 2: Tính:

a) 15cm + 30cm = ... cm	b) 18 – 5 + 3 = ...
c) 32 + 47 = 64 + 25 =	d) 79 – 63 = 85 – 25 =

Bài 3: Viết tiếp vào chỗ chấm

a) Đồng hồ chỉ ..... giờ

b) Các ngày trong tuần:

LIVEWORKSHEETS

Thứ 2, ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐

Bài 4: a) Lớp 1A có 14 học sinh nam và 15 học sinh nữ. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Bài giải:

Vật lớp 1A có tất cả ☐ học sinh

b) Bạn Hà có sợi dây dài 85cm, bạn Hà cắt cho bạn Nam 25cm. Hỏi sợi dây của bạn Hà còn lại bao nhiêu xăng- ti- mét?

Phép tính: ☐ ☐ ☐ ☐ ☐

Bài giải:

Vậy sợi dây của Hà còn lại ☐ cm

Bài 5: >, <, =?

76 – 42 ☐ 30 + 8 47 – 51 ☐ 81 + 12 36 + 12 ☐ 15 + 33

Bài 7: Nối để được một hình vuông và một hình tam giác.

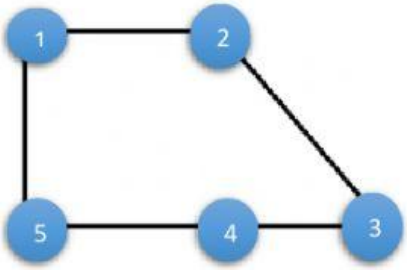

Bài 6: Đặt tính rồi tính:

6 + 22	87 – 84	14 + 14	55 – 35	11 – 8
+	-	+	-	-

Bài 7: Viết các số 84, 15, 6, 12, 48, 80, 55 theo thứ tự:

a. Từ bé đến lớn: ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐

b. Từ lớn đến bé: ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐ ; ☐

LIVEWORKSHEETS

Bài 8: Lớp em có 38 bạn, trong đó có 2 chục bạn nữ. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn nam?

<u>Phép tính</u>: ....

<u>Bài giải:</u>

Vậy lớp em có ..... bạn nam.

Bài 9: Viết các số từ 57 đến 61:

....; ....; ....; ....; ....

Bài 10: Số?

25 - ..... = 20

..... + 13 = 15

LIVEWORKSHEETS